

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH:** Phó giáo sư

**Mã hồ sơ:** .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Bùi Duy Linh

2. Ngày tháng năm sinh: 14/06/1988; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tân Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tổ 26, khu 2, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): ô 19-20, C2, Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại di động: 0902 566 886; E-mail: duylinh@ftu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 5/2010 đến tháng 5/2011: Giảng viên trợ giảng, Bộ môn Vận tải và Bảo hiểm, Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, trường Đại học Ngoại thương;

Từ tháng 5/2011 đến tháng 5/2017: Giảng viên, Bộ môn Vận tải và Bảo hiểm, Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, trường Đại học Ngoại thương;

Từ tháng 5/2017 đến tháng 2/2020: Giảng viên, Bộ môn Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, trường Đại học Ngoại thương;

Từ tháng 2/2020 đến nay: Giảng viên chính, Bộ môn Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, trường Đại học Ngoại thương;

Từ tháng 11/2016 đến tháng 9/2021: Phó Giám đốc Cơ sở Quảng Ninh, trường Đại học Ngoại thương;

Từ tháng 9/2019 đến tháng 6/2021: Phó Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế, trường Đại học Ngoại thương;

Từ tháng 6/2021 đến nay: Phó Trưởng Phòng Truyền thông và Quan hệ đối ngoại, trường Đại học Ngoại thương;

Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Truyền thông và Quan hệ đối ngoại; Giảng viên chính Bộ môn Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, trường Đại học Ngoại thương;

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Ngoại thương

Địa chỉ cơ quan: số 91, Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (84-24) 3259 5158; Fax cơ quan: (84-24) 3834 3605

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm: Không áp dụng

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 29 tháng 7 năm 2010; số văn bằng: 00202475; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 3 năm 2013; số văn bằng: 008554; ngành: Kinh doanh quốc tế; chuyên ngành: Kinh doanh quốc tế;

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Salford, Anh Quốc. Đã vào sổ đăng ký số: 002626/CNVB\_ThS của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 10 năm 2018; số văn bằng: 008435; ngành: Kinh tế học; chuyên ngành: Kinh tế quốc tế; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm: Không áp dụng

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế quốc dân

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế



13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
- Kinh doanh quốc tế;
- Marketing quốc tế.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, trong đó:
  - + Chủ nhiệm 01 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh Quảng Ninh
  - + Chủ nhiệm 02 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (trường Đại học Ngoại thương)
- Đã công bố (số lượng): 36 bài viết khoa học; trong đó 08 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus, 26 bài báo trên tạp chí uy tín trong nước và 02 bài viết đăng Hội thảo quốc tế;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: Chủ biên 01 sách chuyên khảo;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương năm học 2016 – 2017, QĐ số 2335/QĐ-ĐHNT, ngày 03/11/2017
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương năm học 2017 – 2018, QĐ số 2389/QĐ-ĐHNT, ngày 16/10/2018
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương năm học 2018 – 2019, QĐ số 3287/QĐ-ĐHNT, ngày 29/11/2019
- Giấy khen Danh hiệu viên chức tiêu biểu năm học 2021 - 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương, QĐ số 3453/QĐ-ĐHNT, ngày 17/11/2022
- Giấy khen Đảng viên đạt danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2021 của Đảng ủy Trường Đại học Ngoại thương, QĐ số 36-QĐ/ĐU, ngày 16/12/2021
- Giấy khen thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn năm học 2022 - 2023 của Công đoàn Trường Đại học Ngoại thương, QĐ số 27/QĐ-CĐ, ngày 26/9/2023
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2020 - 2021 của Trường Đại học Ngoại thương, QĐ số 2836/QĐ-ĐHNT ngày 18/11/2021
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021 - 2022 của Trường Đại học Ngoại thương, QĐ số 2552/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2022
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2022 - 2023 của Trường Đại học Ngoại thương, QĐ số 2936/QĐ-ĐHNT ngày 31/8/2023
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2023 - 2024 của Trường Đại học Ngoại thương, QĐ số 4734/QĐ-ĐHNT ngày 20/12/2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Trong suốt quá trình 15 năm công tác tại Trường Đại học Ngoại thương, tôi tự đánh giá mình luôn đáp ứng mọi yêu cầu, tiêu chuẩn của một nhà giáo; hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở bậc đại học và sau đại học, luôn hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo, cụ thể như sau:

- *Về phẩm chất đạo đức và lối sống:* Tôi có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống trung thực, chân thành, hòa đồng với đồng nghiệp, nhiệt tình và tâm huyết với người học, có tinh thần trách nhiệm cao với các công việc được giao. Tôi luôn tự ý thức và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ của nhà giáo, chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tôi luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định, quy chế làm việc theo quy định của Nhà nước và quy chế làm việc của trường Đại học Ngoại thương.

- *Về công tác giảng dạy:* Tôi luôn thực hiện đầy đủ, đúng chương trình và kế hoạch giảng dạy theo phân công; chất lượng giảng dạy tốt, nhận được các phản hồi tích cực từ người học. Bên cạnh đó, bản thân tôi luôn cố gắng nỗ lực đổi mới phương pháp giảng dạy để nâng cao hiệu quả giảng dạy và tạo sự hứng khởi cho người học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo.

- *Về nghiên cứu khoa học:* Tôi luôn hoàn thành đầy đủ và vượt mức số giờ nghiên cứu khoa học định mức quy định theo quy chế làm việc của trường Đại học Ngoại thương, tích cực tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu, luôn nỗ lực, cố gắng tìm tòi và hoàn thiện các phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học.

- *Về học tập, tự bồi dưỡng:* Tôi luôn không ngừng học tập, tích cực tham gia các khóa học như các khóa đào tạo để đạt chuẩn về chức danh nhà giáo, các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

### **2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- *Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo:* Từ thời điểm tôi kết thúc hợp đồng trợ giảng (05/2011) và ký hợp đồng làm việc tiếp với trường Đại học Ngoại thương (03/05/2011) đến thời điểm hiện tại (30/6/2025), thời gian tôi tham gia đào tạo từ trình độ Đại học trở lên là hơn 14 năm.

- *Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):*



| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SDH |                                                                                           |
| 1               | 2019-2020 | 0                         | 0   | 3                                  | 12                                      | 324,9                              | 0   | 324,9/629,9/81                                                                            |
| 2               | 2020-2021 | 0                         | 0   | 2                                  | 9                                       | 366,6                              | 135 | 501,6/684,1/81                                                                            |
| 3               | 2021-2022 | 0                         | 0   | 1                                  | 9                                       | 163,2                              | 75  | 238,2/398,2/81                                                                            |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2022-2023 | 0                         | 0   | 0                                  | 4                                       | 280,5                              | 46  | 326,5/376,5/81                                                                            |
| 5               | 2023-2024 | 0                         | 0   | 1                                  | 13                                      | 216                                | 40  | 256/516/81                                                                                |
| 6               | 2024-2025 | 0                         | 0   | 0                                  | 14                                      | 58,5                               | 135 | 193,5/481/81                                                                              |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước Anh Quốc năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: giảng dạy và hướng dẫn các học phần tốt nghiệp bằng Tiếng Anh cho sinh viên các chương trình đào tạo cử nhân Chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình định hướng nghề nghiệp quốc tế và các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại trường Đại học Ngoại thương.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: Không áp dụng

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): không

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc<br>HVCH/CK2/<br>BSNT | Đối tượng |                   | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng dẫn<br>từ ... đến<br>... | Cơ sở đào<br>tạo                  | Ngày, tháng,<br>năm được cấp<br>bằng/có quyết<br>định cấp bằng |
|----|-----------------------------------------|-----------|-------------------|--------------------------|-----|---------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|    |                                         | NCS       | HVCH/C<br>K2/BSNT | Chính                    | Phụ |                                             |                                   |                                                                |
| 1  | Nguyễn Triều<br>Tuấn Anh                |           | HVCH              | x                        |     | Tháng<br>12/2019 đến<br>6/2020              | Trường Đại<br>học Ngoại<br>thương | QĐ số<br>2358/QĐ –<br>ĐHNT, ngày<br>29/9/2020                  |
| 2  | Đỗ Bích Loan                            |           | HVCH              | X                        |     | Tháng<br>12/2019 đến<br>6/2020              | Trường Đại<br>học Ngoại<br>thương | QĐ số<br>2358/QĐ –<br>ĐHNT, ngày<br>29/9/2020                  |
| 3  | Nguyễn Thị<br>Phương Thảo               |           | HVCH              | X                        |     | Tháng<br>12/2019 đến<br>6/2020              | Trường Đại<br>học Ngoại<br>thương | QĐ số<br>2358/QĐ –<br>ĐHNT, ngày<br>29/9/2020                  |
| 4  | Nguyễn Thị<br>Huyền Trang               |           | HVCH              | X                        |     | Tháng<br>12/2020 đến<br>5/2021              | Trường Đại<br>học Ngoại<br>thương | QĐ số 282/QĐ<br>– ĐHNT, ngày<br>08/02/2022                     |
| 5  | Vũ Quang<br>Thái                        |           | HVCH              | X                        |     | Tháng<br>2/2021 đến<br>7/2021               | Trường Đại<br>học Ngoại<br>thương | QĐ số 282/QĐ<br>– ĐHNT, ngày<br>08/02/2022                     |
| 6  | Lương Cao<br>Hiệp                       |           | HVCH              | X                        |     | Tháng<br>10/2021 đến<br>2/2022              | Trường Đại<br>học Ngoại<br>thương | QĐ số<br>2137/QĐ –<br>ĐHNT, ngày<br>05/8/2022                  |
| 7  | Trần Quang<br>Bình                      |           | HVCH              | X                        |     | Tháng<br>11/2023 đến<br>3/2024              | Trường Đại<br>học Ngoại<br>thương | QĐ số<br>2239/QĐ –<br>ĐHNT, ngày<br>16/7/2024                  |



5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                                                                                                                                       | Loại sách<br>(CK, GT,<br>TK, HD) | Nhà xuất bản và<br>năm xuất bản                                                                                                                                                                              | Số<br>tác<br>giả | Chủ biên                         | Phần biên<br>soạn (từ<br>trang ...<br>đến trang)             | Xác nhận của cơ<br>sở GDĐH (số văn<br>bản xác nhận sử<br>dụng sách)                                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                |                                  |                                                                                                                                                                                                              |                  |                                  |                                                              |                                                                                                            |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                  |                                  |                                                                                                                                                                                                              |                  |                                  |                                                              |                                                                                                            |
| 1  | Tối ưu chi<br>phí<br>logistics<br>của doanh<br>nghiệp:<br>Trường hợp<br>các doanh<br>nghiệp<br>logistics<br>trên địa bàn<br>tỉnh Quảng<br>Ninh | CK                               | Nhà xuất bản<br>khoa học xã hội,<br>năm 2021<br>Số xác nhận<br>đăng ký xuất<br>bản: 251-<br>2021/CXBIPH/5-<br>13/KHXX<br>Số QĐXB:<br>20/QĐ-NXB<br>KHXX cấp ngày<br>23-02-2021<br>ISBN: 978-604-<br>308-350-7 | 4                | TS Bùi Duy<br>Linh (chủ<br>biên) | Phần biên<br>soạn:<br>Chương 1,<br>2, 3, 4 (từ<br>tr.21-110) | Xác nhận mục đích<br>sử dụng sách do<br>Hiệu trưởng Trường<br>Đại học Ngoại<br>thương ký ngày<br>09/6/2025 |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ 1]: 01 sách

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa<br>học và công nghệ<br>(CT, ĐT...)                    | CN/PCN/TK | Mã số và cấp<br>quản lý                        | Thời gian<br>thực hiện     | Thời gian nghiệm<br>thu (ngày, tháng,<br>năm)/Xếp loại KQ                                                    |
|----|-------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS                                         |           |                                                |                            |                                                                                                              |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                           |           |                                                |                            |                                                                                                              |
| 1  | ĐT: Quản trị rủi ro<br>trong chuỗi cung ứng<br>nông sản của Việt<br>Nam | CN        | NTCS2018-23,<br>trường Đại học<br>Ngoại thương | Tháng<br>4/2018-<br>7/2019 | Biên bản Hội đồng<br>nghiệm thu<br>chính thức đề tài<br>KH&CN cấp cơ sở,<br>ngày 16/8/2019,<br>Xếp loại: Tốt |

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                             | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý                                                                                                           | Thời gian thực hiện    | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ                                                                |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | ĐT: Nghiên cứu chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ xuất khẩu sang thị trường EU     | CN        | NTCS2021-61, trường Đại học Ngoại thương                                                                                       | Tháng 7/2021 – 12/2023 | Biên bản Hội đồng nghiệm thu chính thức đề tài KH&CN cấp cơ sở, ngày 24/7/2024, Xếp loại: Đạt                      |
| 3  | ĐT: Đề xuất giải pháp giảm thiểu chi phí logistics ngành dịch vụ logistics tỉnh Quảng Ninh | CN        | Giấy chứng nhận: Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước, Số đăng ký: 09/2020/KQNC, ngày 20/4/2020 | Tháng 1/2018 – 12/2019 | Biên bản nghiệm thu đánh giá chính thức kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh Quảng Ninh, ngày 30/12/2019, Xếp loại: Đạt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                      | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang       | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS                                                             |            |                  |                                                 |                                                   |                                            |                      |                    |
| 1  | Giải pháp phát triển dịch vụ logistics bên thứ ba ở Việt Nam                                | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế đối ngoại<br>ISSN 1859-4050     |                                                   |                                            | Số 67,<br>tr. 45 -50 | 6/2014             |
| 2  | Hội nhập của ngành bảo hiểm Việt Nam trong bối cảnh thành lập cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) | 2          | X                | Tạp chí Kinh tế đối ngoại<br>ISSN 1859-4050     |                                                   |                                            | Số 70,<br>tr. 37 -49 | 02/2015            |



| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                                               | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang           | Tháng, năm công bố |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------|--------------------|
| 3  | Kinh nghiệm hợp tác logistisc giữa các nước trong cộng đồng Châu Âu (EU) đối với các nước Đông Nam Á (ASEAN) trong bối cảnh hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) | 3          | X                | Tạp chí Kinh tế đối ngoại<br>ISSN 1859-4050                                                                                    |                                                   |                                            | Số 84,<br>tr. 3 – 13     | 8/2016             |
| 4  | Cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước – Nhà đầu tư nước ngoài (ISDS) trong hiệp định TPP                                                                             | 2          | X                | Tạp chí Công thương<br>ISSN 0866-7756                                                                                          |                                                   |                                            | Số 4+5,<br>tr. 42 – 47   | 4/2017             |
| 5  | Thực trạng năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ logistics Việt Nam trong bối cảnh hội nhập                                                                          | 1          | X                | Tạp chí khoa học thương mại<br>ISSN 1859-3666                                                                                  |                                                   |                                            | Số 112,<br>tr. 23 - 33   | 12/2017            |
| 6  | The Cooperation of logistics between European countries as these experiences for Southeast countries when it comes to the establishment of Asean Economic Community  | 2          | X                | The 6th International Conference on Logistics and Transport 2014 (ICLT 2014)<br>“Innovation in Global supply chain management” |                                                   |                                            | Kuala Lumpur<br>Malaysia | 8/2014             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                     | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang               | Tháng, năm công bố |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 7  | A Study of application of the viral reality technology in Vietnamese supply chain                                          | 2          | X                | The 9th International Conference on Logistics and Transport 2017 (ICLT 2017)<br>“Supply chain 4.0: Challenges and Prospects”                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                            | Bangkok Thailand             | 11/2017            |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                              |            |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                   |                                            |                              |                    |
| A  | Các bài báo công bố trên tạp chí quốc tế                                                                                   |            |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                   |                                            |                              |                    |
| 8  | Utilization of a deep learning-based fuel consumption model in choosing a liner shipping route for container ships in Asia | 2          | X                | The Asian Journal of Shipping and logistics, Elsevier B.V., AJSL-245, ISSN 2092-5212 (Print), 2352-4871 (Online)<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.ajsl.2020.04.003">https://doi.org/10.1016/j.ajsl.2020.04.003</a><br>Publisher: Elsevier B.V. Elsevier B.V. on behalf of The Korean Association of Shipping and Logistics | ESCI, Scopus Q2                                   |                                            | Vol. 37, Issue 1, tr. 1 - 11 | 3/2021             |
| 9  | Determinants of the possibilities by investors' risk-taking: empirical evidence from Vietnam                               | 4          | X                | Cogent Economics & Finance, ISSN 2332-2039, DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/23322039.2021.1917106">https://doi.org/10.1080/23322039.2021.1917106</a><br>Publisher: Cogent OA, part of Taylor & Francis Group                                                                                                                   | ESCI, Scopus Q2                                   |                                            | Vol. 9, Issue 1, tr. 1 - 33  | 4/2021             |



| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                              | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                                                                                                                                                                             | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                        | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|
| 10 | Sensory marketing on customers' satisfaction: a tale from the second largest coffee exporter        | 2          | X                | Int. J. Economics and Business Research<br>ISSN: 1756-9850<br>eISSN: 1756-9869<br>DOI:<br><a href="https://doi.org/10.1504/IJEER.2022.119336">https://doi.org/10.1504/IJEER.2022.119336</a><br>Publisher: inderscience                                                                      | Scopus Q3                                         |                                            | Vol. 23,<br>No. 1,<br>tr. 35 - 55     | 12/2022            |
| 11 | Exchange rate stability and new entrepreneurs: empirical evidence in Vietnam                        | 5          | X                | International Journal of Economics and Business Research<br>Publisher: inderscience<br>ISSN: 1756-9850<br>eISSN: 1756-9869<br>DOI:<br>10.1504/IJEER.2022.125390                                                                                                                             | Scopus Q3                                         |                                            | Vol.24,<br>No.3,<br>tr. 408 - 424     | 9/2022             |
| 12 | Economic and environmental analysis of biomass pellet supply chain using simulation-based approach  | 6          | X                | Asia Pacific Management Review (APMR) (APMRV-D-22-00204)<br>ISSN: 1029-3132<br>Published by Elsevier B.V. on behalf of College of Management, National Cheng Kung University<br>DOI:<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.apmr.2023.02.002">https://doi.org/10.1016/j.apmr.2023.02.002</a> | ESCI, Scopus Q1                                   |                                            | Vol. 28,<br>Issue 4,<br>tr. 470 - 486 | 12/2023            |
| 13 | Supply chain disruption for crude oil due to the effect of COVID-19 pandemic: evidence from Vietnam | 5          | X                | International Journal of Logistics Systems and Management<br>ISSN online:1742-7975<br>ISSN print: 1742-7967<br>Publisher: inderscience<br>DOI:<br><a href="https://doi.org/10.1504/IJLSM.2024.140061">https://doi.org/10.1504/IJLSM.2024.140061</a>                                         | Scopus Q3                                         |                                            | Vol. 48,<br>No. 3,<br>tr. 326 - 349   | 7/2024             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                             | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                                                                                                                                                 | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                | Tháng, năm công bố |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------|--------------------|
| 14 | How differently do cognitive and affective country image affect brand loyalty                                                                      | 5          |                  | Journal of Asia Business Studies<br>ISSN: 1558-7894<br>Publisher: Emerald; University of San Francisco, School of Business and Management<br>DOI: 10.1108/JABS-07-2023-0279                                                                                     | ESCI, Scopus Q1                                   |                                            | Vol. 19<br>No. 1,<br>tr. 1-22 | 01/2025            |
| 15 | Advanced vehicle monitoring in smart port utilizing deep denoising real-time object detectors integrated multi-resolution attention-augmented CRNN | 3          |                  | Ain Shams Engineering Journal<br>ISSN: 2090-4479, 2090-4495<br>Published by Elsevier B.V. on behalf of Faculty of Engineering, Ain Shams University<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.asej.2025.103483">https://doi.org/10.1016/j.asej.2025.103483</a> | Scopus Q1                                         |                                            | Volume 16,<br>Issue 8,        | 5/2025             |
| B  | Các bài báo công bố trên tạp chí trong nước                                                                                                        |            |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                   |                                            |                               |                    |
| 16 | Phát triển trung tâm logistics ở tỉnh Quảng Ninh                                                                                                   | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế và Dự báo<br>ISSN 0866-7120                                                                                                                                                                                                                     |                                                   |                                            | Số 10,<br>tr.60 - 62          | 4/2019             |
| 17 | Quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng gạo của Việt Nam                                                                                              | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế và Dự báo<br>ISSN 0866-7120                                                                                                                                                                                                                     |                                                   |                                            | Số 19,<br>tr.22 – 25          | 7/2019             |
| 18 | Tăng cường xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP tại tỉnh Quảng Ninh                                                                                   | 2          | X                | Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế<br>ISSN 1859 – 4050                                                                                                                                                                                                          |                                                   |                                            | Số 126,<br>tr.112 – 124       | 2/2020             |



| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                             | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                                                                | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                          | Tháng, năm công bố |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|
| 19 | Digitalizing Agricultural Small and Medium – sized Enterprises in Vietnam: Difficulties and Solutions              | 3          | X                | Vietnam's Socio – Economic Development, ISSN 0868 – 359X                                                                                                                       |                                                   |                                            | Vol. 25, No. 103, Issue. 03, tr.22 – 31 | 10/2020            |
| 20 | Mô hình chữ “T” trong đào tạo nguồn nhân lực cấp quản lý cho ngành logistics tại Việt Nam                          | 2          | X                | Tạp chí Khoa học thương mại<br>ISSN 1859 - 3666                                                                                                                                |                                                   |                                            | Số 148, tr.78 – 88                      | 12/2020            |
| 21 | The Potential impacts of the EVFTA on Vietnam's imports of dairy products from the EU: a SMART model analysis      | 3          | X                | Journal of International Economics and Management<br>ISSN 2615-9856<br>DOI:<br><a href="https://doi.org/10.38203/jiem.021.2.0029">https://doi.org/10.38203/jiem.021.2.0029</a> |                                                   |                                            | Vol. 21, No. 2, tr.66 - 90              | 7/2021             |
| 22 | Xây dựng nhân tố mới quan hệ nhằm đảm bảo sự thành công trong hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp tại Việt Nam    | 2          | X                | Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế<br>ISSN 2615-9848                                                                                                                           |                                                   |                                            | Số 140, tr.70 - 85                      | 9/2021             |
| 23 | Factors influencing the decision to outsource logistics services of small- and medium-sized enterprises in Vietnam | 2          | X                | Journal of International Economics and Management<br>ISSN 2615-9856<br><a href="https://doi.org/10.38203/jiem.023.1.0064">https://doi.org/10.38203/jiem.023.1.0064</a>         |                                                   |                                            | Vol 23, No 1, tr. 106 – 118             | 3/2023             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                                    | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                   | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                                | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|
| 24 | Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng nông sản tại Việt Nam                                                      | 2          | X                | Tạp chí kinh tế và phát triển<br>ISSN 1859 – 0012                                                 |                                                   |                                            | Số 309,<br>tr.43 – 52                         | 3/2023             |
| 25 | Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hợp tác và hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam                                              | 1          | X                | Tạp chí nghiên cứu kinh tế và kinh doanh Châu Á<br>ISSN 2615 – 9104                               |                                                   |                                            | Số 1,<br>tr.118 - 132                         | 2023               |
| 26 | An analysis of the impact of Omni – channel supply chain on the customers' shopping online behavior and recommendations for Vietnamese fashion businesses | 2          | X                | Vietnam's Socio – Economic Development<br>ISSN 0868 – 359X                                        |                                                   |                                            | Vol. 28,<br>No. 116,<br>Iss. 04,<br>tr.3 – 21 | 12/2023            |
| 27 | Nghiên cứu các nhân tố tác động đến hoạt động đẩy mạnh xuất khẩu viên nén gỗ của Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh hiện nay                      | 3          |                  | Tạp chí Kinh tế và dự báo<br>ISSN 1859 - 4972                                                     |                                                   |                                            | Số 16,<br>tr.29 -32                           | 6/2023             |
| 28 | Tác động của phát triển tài chính đối với tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng tại các quốc gia Đông Nam Á                                                     | 1          | X                | Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng<br>ISSN 1859 - 011X<br>Doi:<br>10.59276/TCKHDT.2023.12.2587 |                                                   |                                            | Số 259,<br>tr.69 - 78                         | 12/2023            |



| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                                   | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                                                      | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang     | Tháng, năm công bố |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| 29 | Các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng quản lý chuỗi cung ứng xanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nghiên cứu tại Hà Nội, Quảng Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh | 1          | X                | Tạp chí nghiên cứu kinh tế và kinh doanh Châu Á<br>ISSN 2615 – 9104                                                                                                  |                                                   |                                            | Số 12, tr.19-34    | 2023               |
| 30 | Ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô đến giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam                                                                    | 1          | X                | Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế<br>ISSN 2615-9848<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.38203/jiem.vi.082023.1080">https://doi.org/10.38203/jiem.vi.082023.1080</a> |                                                   |                                            | Số 162, tr.1 -14   | 2/2024             |
| 31 | Các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp bất động sản niêm yết tại Việt Nam                                                        | 2          | X                | Tạp chí kinh tế và phát triển<br>ISSN 1859 – 0012                                                                                                                    |                                                   |                                            | Số 321, tr.73 – 80 | 3/2024             |
| 32 | Tác động của tỷ giá EUR/VND đến hoạt động xuất khẩu giữa Việt Nam và EU giai đoạn 2019 – 2022                                                            | 2          | X                | Tạp chí Kinh tế và dự báo<br>ISSN 1859 – 4972                                                                                                                        |                                                   |                                            | Số 5, tr.172 - 174 | 3/2024             |
| 33 | Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tài chính: Nghiên cứu điển hình tại các doanh nghiệp vận tải và kho bãi niêm yết                                        | 1          | X                | Tạp chí kinh tế và phát triển<br>ISSN 1859 – 0012                                                                                                                    |                                                   |                                            | Số 319, tr.54 – 62 | 1/2024             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                  | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                              | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang              | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|
| 34 | EU – Vietnam free trade agreement (EVFTA): impact on exporting agricultural products from Vietnam to EU and some policy recommendations | 1          | X                | Journal of Finance & Accounting Research<br>ISSN 2588 – 1493                                 |                                                   |                                            | No. 01 (32)<br>tr.115 – 118 | 2/2025             |
| 35 | Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển đổi xanh trong doanh nghiệp logistics: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam                   | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế - Luật & Ngân hàng<br>ISSN 3030 - 4199<br>Doi:<br>10.59276/JELB.2025.03.2844 |                                                   |                                            | Số 275,<br>tr.78 - 92       | 3/2025             |
| 36 | Tác động của phát triển tài chính đến chất lượng môi trường: Nghiên cứu tại các quốc gia đang phát triển Châu Á                         | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế và dự báo<br>ISSN 1859 – 4972                                                |                                                   |                                            | Số 11                       | 6/2025             |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6 bài, bao gồm các bài số [8], [9], [10], [11], [12], [13].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1  |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

|     |                               |  |  |  |  |  |  |
|-----|-------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| 2   |                               |  |  |  |  |  |  |
| ... |                               |  |  |  |  |  |  |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS |  |  |  |  |  |  |
| 1   |                               |  |  |  |  |  |  |
| 2   |                               |  |  |  |  |  |  |
| ... |                               |  |  |  |  |  |  |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

## 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1   |                                                |                 |                    |                            |            |
| 2   |                                                |                 |                    |                            |            |
| ... |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

## 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| 2   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| ... |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT  | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1   |                                                             |                                |                                              |                                    |                                 |         |
| 2   |                                                             |                                |                                              |                                    |                                 |         |
| ... |                                                             |                                |                                              |                                    |                                 |         |



9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):  
.....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):  
.....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):  
.....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):  
.....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:  
.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:  
.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:  
.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:  
.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:  
.....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:  
.....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

.....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

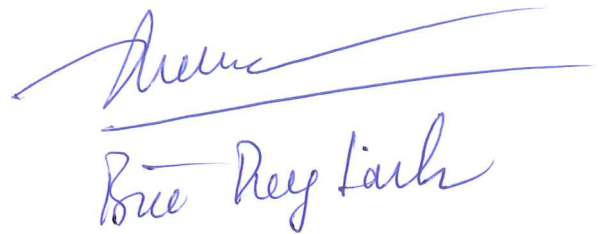
.....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



Bùi Rey Linh